

Số: 011703/26/CV-TCC

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương
Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 20, Tòa nhà Techcombank, số 6 phố Quang Trung, Phường
Cửa Nam, thành phố Hà Nội
Điện thoại: (024) 3944 6368
Fax: (024) 3944 6583
Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phí Tuấn Thành
Địa chỉ: Tầng 20, Tòa nhà Techcombank, số 6 phố Quang Trung, Phường Cửa Nam, thành
phố Hà Nội
Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 024. 3944 6368
Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương công bố Báo cáo tài chính kiểm toán kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Có báo cáo đính kèm).

Lợi nhuận sau thuế của Công ty kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã kiểm toán tăng
49,83 tỷ đồng (tương đương tăng hơn 52%) so với cùng kỳ năm 2024, nguyên nhân chủ
yếu do doanh thu hoạt động tăng so với cùng kỳ năm 2024.

Thông tin này đồng thời được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty ngày
17/03/2026 tại đường dẫn: <http://techcomcapital.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu
trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu Công ty

Người được ủy quyền công bố thông tin



Phí Tuấn Thành

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 34

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương ("Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ thương theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 57/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 01 năm 2019. Giấy phép điều chỉnh của Công ty sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu được trình bày trong bảng dưới đây:

<u>Giấy phép điều chỉnh số</u>	<u>Ngày ban hành</u>
Giấy phép điều chỉnh số 07/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chấp thuận cho Công ty điều chỉnh trụ sở chính	Ngày 24 tháng 1 năm 2025
Giấy phép điều chỉnh số 114/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chấp thuận cho Công ty điều chỉnh vốn điều lệ lên 669.662.910.000 đồng	Ngày 18 tháng 11 năm 2022
Giấy phép điều chỉnh số 87/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chấp thuận cho Công ty thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Xuân Minh – Chủ tịch Hội đồng quản trị	Ngày 6 tháng 9 năm 2022

Công ty được sở hữu 88,99956% bởi Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Ngân hàng mẹ), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Các hoạt động được cấp phép của Công ty là quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán theo các quy định của pháp luật.

Công ty có Trụ sở chính tại Tầng 20, Tòa nhà Techcombank, số 6 phố Quang Trung, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Xuân Minh	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2023
Ông Phí Tuấn Thành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2023
Ông Lê Huy Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 12 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm/Miễn nhiệm</u>
Ông Đặng Văn Khải	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2023
Bà Hoàng Thị Kim Cúc	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2023
Bà Đinh Thị Thu Nga	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Bổ nhiệm/Miễn nhiệm</u>
Ông Phí Tuấn Thành	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 3 năm 2023
Bà Bùi Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Hợp tác đối tác	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này là Ông Nguyễn Xuân Minh – chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị căn cứ theo Giấy phép điều chỉnh số 87/GPĐC-UBCK được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận ngày 6 tháng 9 năm 2022.

Ông Phí Tuấn Thành được ông Nguyễn Xuân Minh ủy quyền ký kết các giấy tờ và tài liệu liên quan đến hoạt động điều hành Công ty, trong đó có báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Giấy ủy quyền số 020703/23/UQ-CTHĐQT-TCC ngày 7 tháng 3 năm 2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Phí Tuấn Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2026



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 11850497/E-69128520

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương (“Công ty”), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Shape the future
with confidence

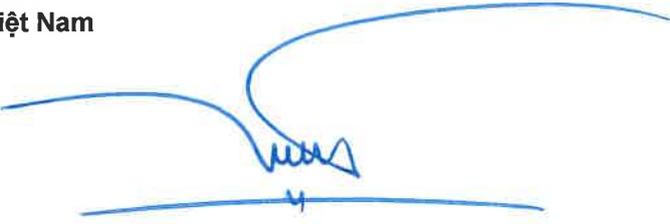
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1



Nguyễn Văn Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3847-2026-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2026



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.136.841.531.391	1.045.562.204.238
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	1.489.087.940	44.893.743.311
111	1. Tiền		1.415.921.827	10.474.953.772
112	2. Các khoản tương đương tiền		73.166.113	34.418.789.539
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2	1.086.575.676.215	918.009.536.879
121	1. Chứng khoán kinh doanh	V.2.1	1.088.742.526.700	928.489.562.948
129	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	V.2.1	(2.166.850.485)	(10.480.026.069)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		48.292.573.908	82.134.857.248
133	1. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	V.3	18.001.283.109	15.816.778.395
135	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	30.291.290.799	66.318.078.853
140	IV. Hàng tồn kho		-	46.000.000
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		484.193.328	478.066.800
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		484.193.328	478.066.800
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		44.436.654.399	231.022.177
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	15.000.000
	1. Phải thu dài hạn khác		-	15.000.000
220	II. Tài sản cố định		-	12.057.575
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.5	-	12.057.575
222	Nguyên giá		36.172.727	36.172.727
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(36.172.727)	(24.115.152)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.5	-	-
228	Nguyên giá		140.000.000	140.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(140.000.000)	(140.000.000)
260	III. Tài sản dài hạn khác		44.436.654.399	203.964.602
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.6	200.738.048	203.964.602
268	2. Tài sản dài hạn khác	V.7	44.235.916.351	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.181.278.185.790	1.045.793.226.415

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		32.118.676.407	41.928.015.977
310	I. Nợ ngắn hạn		32.118.676.407	41.928.015.977
312	1. Phải trả người bán	V.8	7.895.918.349	9.042.456.967
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.9	9.088.640.284	18.972.585.755
	<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả</i>		<i>8.091.780.683</i>	<i>18.050.773.539</i>
315	3. Phải trả người lao động	V.10	14.869.432.937	13.503.165.794
316	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		209.661.438	332.915.865
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	V.11	55.023.399	76.891.596
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.149.159.509.383	1.003.865.210.438
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	VII.2	669.662.910.000	669.662.910.000
420	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VII.1	479.496.599.383	334.202.300.438
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.181.278.185.790	1.045.793.226.415

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
006	1. Chứng khoán lưu ký của Công ty Quản lý Quỹ		1.075.599.000.000	942.093.800.000
007	1.1. Chứng khoán giao dịch		1.075.599.000.000	942.093.800.000
030	2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	V.12	36.933.515.684	10.264.357.620
031	- Tiền gửi của nhà đầu tư Ủy thác trong nước		36.933.515.684	10.264.357.620
040	3. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	V.13	72.249.368.477	185.996.871.529
041	3.1. Nhà đầu tư Ủy thác trong nước		72.249.368.477	185.996.871.529
050	4. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác		-	1.766.731.105
051	5. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác		5.178.926.500	119.223.408

Người lập:

Anh

Bà Lê Giáp Hoàng Anh
 Kế toán

Người phê duyệt:

Thuỷ

Bà Phan Thị Thu Hằng
 Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phí Tuấn Thành
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		221.517.015.377	115.564.529.023
02	2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(103.750.138.185)	(47.402.576.107)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(29.650.304.572)	(26.494.700.185)
05	4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	VI.6	(47.728.292.933)	(10.330.699.691)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		58.032.536.460	8.248.115.290
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(72.653.289.389)	(65.126.400.063)
20	Tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		25.767.526.758	(25.541.731.733)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	1. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.217.152.800.439)	(933.962.480.463)
24	2. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác		1.056.899.836.687	899.794.705.619
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(33.000.000)	-
26	4. Tiền thu đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		33.000.000	-
27	5. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia		91.080.781.623	96.988.445.897
30	Tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		(69.172.182.129)	62.820.671.053
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(43.404.655.371)	37.278.939.320
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	44.893.743.311	7.614.803.991
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	1.489.087.940	44.893.743.311

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:

Anh

Thuỷ



Bà Lê Giáp Hoàng Anh
Kế toán

Bà Phan Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Ông Phí Tuấn Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 16 tháng 3 năm 2026

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương

B05-CTQ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm						Số dư cuối năm	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2024	Ngày 1 tháng 1 năm 2025	Năm trước		Năm nay		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
		1	2	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	7	8		
A	B			3	4	5	6				
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	VII.2	669.662.910.000	669.662.910.000	-	-	-	-	669.662.910.000	669.662.910.000		
2. Lợi nhuận chưa phân phối	VII.1	238.740.432.897	334.202.300.438	95.461.867.541	-	145.294.298.945	-	334.202.300.438	479.496.599.383		
TỔNG CỘNG		908.403.342.897	1.003.865.210.438	95.461.867.541	-	145.294.298.945	-	1.003.865.210.438	1.149.159.509.383		

Người lập:

Anh

Bà Lê Giáp Hoàng Anh
Kế toán

Người phê duyệt:

Phụng

Bà Phan Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng



Ông Phi Tuấn Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương (“Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ thương theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 57/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 1 năm 2019. Giấy phép điều chỉnh của Công ty sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu được trình bày trong bảng dưới đây:

<i>Giấy phép điều chỉnh số</i>	<i>Ngày ban hành</i>
▶ Giấy phép điều chỉnh số 07/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chấp thuận cho Công ty điều chỉnh trụ sở chính	Ngày 24 tháng 1 năm 2025
▶ Giấy phép điều chỉnh số 114/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chấp thuận cho Công ty điều chỉnh vốn điều lệ lên 669.662.910.000 đồng	Ngày 18 tháng 11 năm 2022
▶ Giấy phép điều chỉnh số 87/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chấp thuận cho Công ty thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Xuân Minh – Chủ tịch Hội đồng quản trị	Ngày 6 tháng 9 năm 2022

Công ty được sở hữu 88,99956% bởi Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Ngân hàng mẹ), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Các hoạt động được cấp phép của Công ty là quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán theo các quy định của pháp luật. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đang quản lý tám (8) quỹ, cụ thể là Quỹ Đầu tư Bất động sản Techcom Việt Nam, Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Techcom, Quỹ Đầu tư Trái phiếu linh hoạt Techcom, Quỹ Đầu tư cân bằng Linh hoạt Techcom (trước đây là Quỹ đầu tư Trái phiếu linh hoạt Techcom), Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Bất động sản Techcom, Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Ngân hàng và Tài chính Techcom, Quỹ Đầu tư Cổ phiếu doanh nghiệp vừa và nhỏ Techcom và Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50.

Công ty có Trụ sở chính tại Tầng 20, Tòa nhà Techcombank, số 6 phố Quang Trung, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.

Vốn Điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng vốn điều lệ của Công ty là 669.662.910.000 VND (31 tháng 12 năm 2024: 669.662.910.000 VND).

Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 41 người, trong đó có 24 người đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 41 người, trong đó có 18 người đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Nhân viên (tiếp theo)

Danh sách nhân viên có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

<i>STT</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Số giấy phép</i>	<i>Ngày cấp</i>
1	Phí Tuấn Thành	000135/QLQ	Ngày 15 tháng 4 năm 2009
2	Phan Linh Chi	000368/QLQ	Ngày 13 tháng 7 năm 2009
3	Đồng Thị Khánh Ngọc	000794/QLQ	Ngày 14 tháng 11 năm 2011
4	Đặng Hoàng Tùng	000811/QLQ	Ngày 12 tháng 8 năm 2011
5	Phan Thị Thu Hằng	001165/QLQ	Ngày 30 tháng 10 năm 2014
6	Lê Giáp Hoàng Anh	001808/QLQ	Ngày 18 tháng 7 năm 2019
7	Phạm Thị Thúy Nga	001804/QLQ	Ngày 5 tháng 7 năm 2019
8	Vương Duy Anh	001958/QLQ	Ngày 18 tháng 11 năm 2020
9	Lê Thị Thu Hương	001701/QLQ	Ngày 28 tháng 8 năm 2018
10	Lê Quang Hưng	002068/QLQ	Ngày 2 tháng 3 năm 2023
11	Nguyễn Hữu Tài	002073/QLQ	Ngày 10 tháng 3 năm 2023
12	Lê Hồng Phương	001967/QLQ	Ngày 27 tháng 11 năm 2020
13	Lê Tấn Phát	001821/QLQ	Ngày 6 tháng 8 năm 2019
14	Vũ Thanh Hằng	002065/QLQ	Ngày 1 tháng 3 năm 2023
15	Phạm Sỹ Hải	000672/QLQ	Ngày 29 tháng 6 năm 2010
16	Nguyễn Thiện Toàn	002572/QLQ	Ngày 10 tháng 6 năm 2024
17	Hà Thị Quỳnh Trang	002629/QLQ	Ngày 3 tháng 10 năm 2024
18	Nguyễn Thị Yến	002613/QLQ	Ngày 15 tháng 8 năm 2024
19	Nguyễn Vĩnh Nghiêm	002825/QLQ	Ngày 21 tháng 3 năm 2025
20	Đỗ Hoàng Phương Chi	002993/QLQ	Ngày 11 tháng 9 năm 2025
21	Trần Thị Thu Hà	003045/QLQ	Ngày 17 tháng 10 năm 2025
22	Vương Thị Việt Anh	003133/QLQ	Ngày 9 tháng 12 năm 2025
23	Nguyễn Quỳnh Anh	003105/QLQ	Ngày 26 tháng 11 năm 2025
24	Phạm Đình Thắng	003137/QLQ	Ngày 15 tháng 12 năm 2025

II. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

II.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

II.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

III.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/QĐ-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

III.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

III.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

III.4 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc Công ty phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về tính chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

IV.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

IV.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

IV.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí hoạt động khác" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán và xử lý tài chính các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi được thực hiện theo tỷ lệ sau như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

IV.4 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc giai đoạn tài chính tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong năm.

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá mua. Trong các năm kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận theo giá trị ghi sổ, trừ đi dự phòng giảm giá nếu có.

Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Giá vốn chứng khoán kinh doanh bán ra được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

IV.4 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác (tiếp theo)

Dự phòng đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh tại ngày lập báo cáo tài chính.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Trong trường hợp các nguồn thông tin đáng tin cậy như trên không có sẵn trên thị trường, các chứng khoán này sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Giá trị thị trường của chứng chỉ quỹ chưa niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá trị tài sản ròng của đơn vị chứng chỉ quỹ theo báo cáo tài sản ròng của quỹ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của doanh nghiệp tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) với vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp so với vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế - nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng.

IV.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

IV.6 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

IV.7 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc: Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

Trợ cấp mất việc làm: Theo Điều 47 Bộ Luật Lao động 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho các nhân viên mất việc do việc chuyển đổi cơ cấu do thay đổi về công nghệ hoặc vì lí do kinh tế. Trong trường hợp này, Công ty sẽ có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng lương.

Trợ cấp thất nghiệp: Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

IV.8 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty ("VND") được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- ▶ Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

IV.9 Phân chia lợi nhuận

Việc phân chia lợi nhuận còn lại của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông.

IV.10 Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác

Vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Tài sản ủy thác hình thành từ việc sử dụng vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ các khoản đầu tư ủy thác như: khoản lãi của khoản đầu tư ủy thác đã đến kỳ thu nhưng chưa thu được, các quyền lợi khác mà nhà đầu tư ủy thác được hưởng và các khoản phải thu khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như các khoản phí phải trả cho Công ty và các khoản phải trả khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

IV.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Phí quản lý và tư vấn

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của các hợp đồng quản lý đầu tư và tư vấn.

Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

IV.12 Thuê hoạt động

Các khoản thuê mà về bản chất tất cả các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu các tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê được hạch toán là thuê hoạt động. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê khi phát sinh trong suốt thời gian thuê.

IV.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

IV.13 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

V.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.415.921.827	10.474.953.772
Các khoản tương đương tiền	73.166.113	34.418.789.539
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	27.000.000.000
- Tiền trên tài khoản giao dịch mở tại Công ty Chứng khoán	-	7.418.789.539
	1.489.087.940	44.893.743.311

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương

B09-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

V.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

V.2.1 Chứng khoán kinh doanh

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Chứng khoán kinh doanh	10.136.052	1.088.742.526.700	7.871.093	928.489.562.948
- Chứng khoán kinh doanh - TP MML121021 - CTCP Masan MeatLife	-	-	3.000.000	300.151.775.484
- Chứng khoán kinh doanh - TP VRE12007 - Công ty cổ phần Vincom Retail	-	-	1.700.000	161.743.149.984
- Chứng khoán kinh doanh - TP VHM121025 - Công ty cổ phần Vinhomes	4.990	467.634.644	1.304.990	122.296.299.581
- Chứng khoán kinh doanh - TP VIC124005 - Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	1.450.000	145.300.025.143	1.000.000	102.493.724.699
- Chứng khoán kinh doanh - TP VNG122002 - Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	-	-	600.000	59.657.134.142
- Chứng khoán kinh doanh - TP TCSCPO2325003	-	-	265.948	26.692.380.618
- Chứng khoán kinh doanh - TP NPM123022 - CTCP Núi Pháo	3.553.000	356.530.397.527	-	-
- Chứng khoán kinh doanh - TP NPM123021 - CTCP Núi Pháo	3.058.000	308.603.905.014	-	-
- Chứng khoán kinh doanh - TP NPM123024 - CTCP Núi Pháo	2.070.000	214.111.986.950	-	-
- Chứng chỉ tiền gửi phát hành bởi Công ty tài chính TNHH MTV HomeCredit	62	63.728.577.422	155	155.455.098.440
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh				(10.480.026.069)
- Dự phòng giảm giá trái phiếu - TP VIC124005		(2.166.850.485)		(10.480.026.069)
	10.136.052	1.086.575.676.215	7.871.093	918.009.536.879

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

V.3 Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</i> <i>VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i> <i>VND</i>
Phải thu hoạt động quản lý quỹ	17.881.842.927	15.660.531.782
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	119.440.182	156.246.613
	18.001.283.109	15.816.778.395

V.4 Phải thu ngắn hạn khác

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</i> <i>VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i> <i>VND</i>
Đặt cọc	-	47.000.000.000
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	-	168.657.535
Phải thu lãi đầu tư trái phiếu/chứng chỉ tiền gửi	30.291.290.799	19.149.421.318
	30.291.290.799	66.318.078.853

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

V.5 Tài sản cố định

	<i>Phần mềm</i> VND	<i>Máy tính</i> VND
Nguyên giá		
Ngày 1 tháng 1 năm 2025	140.000.000	36.172.727
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	140.000.000	36.172.727
Giá trị hao mòn lũy kế		
Ngày 1 tháng 1 năm 2025	140.000.000	24.115.152
Tăng trong kỳ	-	12.057.575
Giảm trong kỳ	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	140.000.000	36.172.727
Giá trị còn lại		
Ngày 1 tháng 1 năm 2025	-	12.057.575
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	-	-

V.6 Chi phí trả trước dài hạn

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</i> VND	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i> VND
Công cụ dụng cụ	64.990.150	38.166.668
Khác	135.747.898	165.797.934
	200.738.048	203.964.602

V.7 Tài sản dài hạn khác

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</i> VND	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i> VND
Đặt cọc thuê văn phòng	44.213.916.351	-
Đặt cọc sử dụng các dịch vụ khác	22.000.000	-
	44.235.916.351	-

V.8 Phải trả người bán

	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2025</i> VND	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2024</i> VND
Phải trả phí hoa hồng phân phối chứng chỉ Quỹ	7.895.918.349	9.042.456.967
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương	7.831.088.573	8.975.548.728
- Công ty Cổ phần Digi Invest	64.829.776	66.908.239
	7.895.918.349	9.042.456.967

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

V.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.050.773.539	37.769.300.077	(47.728.292.933)	8.091.780.683
Thuế thu nhập cá nhân	919.401.332	62.570.003.888	(62.494.762.502)	994.642.718
Các loại thuế khác	2.410.884	12.799.855	(12.993.856)	2.216.883
	18.972.585.755	100.352.103.820	(110.236.049.291)	9.088.640.284

V.10 Phải trả người lao động

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Phải trả công nhân viên	2.718.195.550	1.422.165.794
Phải trả lương tháng 13 và thưởng hoàn thành công việc	12.151.237.387	12.081.000.000
	14.869.432.937	13.503.165.794

V.11 Phải trả ngắn hạn khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Kinh phí công đoàn	44.906.270	53.194.140
BHXH, BHYT và Bảo hiểm thất nghiệp	1.719.482	801.322
Khác	8.397.647	22.896.134
	55.023.399	76.891.596

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

V.12 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Nhà đầu tư 1		
Số dư đầu năm	5.559.686.764	3.471.383.994
Số tăng trong năm	141.261.945.382	176.410.373.731
Số giảm trong năm	(146.821.632.146)	(174.322.070.961)
Số dư cuối năm	-	5.559.686.764

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Nhà đầu tư 2		
Số dư đầu năm	2.950.898.527	11.048.583.924
Số tăng trong năm	271.562.795.399	225.689.497.481
Số giảm trong năm	(254.572.460.470)	(233.787.182.878)
Số dư cuối năm	19.941.233.456	2.950.898.527

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Nhà đầu tư 3		
Số dư đầu năm	599.859.989	-
Số tăng trong năm	52.861.440.843	51.075.237.287
Số giảm trong năm	(49.543.767.671)	(50.475.377.298)
Số dư cuối năm	3.917.533.161	599.859.989

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Nhà đầu tư 4		
Số dư đầu năm	1.153.912.340	-
Số tăng trong năm	77.907.367.319	31.944.675.227
Số giảm trong năm	(79.061.279.659)	(30.790.762.887)
Số dư cuối năm	-	1.153.912.340

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Nhà đầu tư 5		
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong năm	73.319.640.023	-
Số giảm trong năm	(60.250.055.851)	-
Số dư cuối năm	13.069.584.172	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

V.12 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Nhà đầu tư 6		
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong năm	1.348.724.203	-
Số giảm trong năm	(1.343.559.308)	-
Số dư cuối năm	5.164.895	-

V.13 Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	45.030.000.000
Trái phiếu niêm yết	-	20.793.245.242
<i>Trong đó, các mã trái phiếu bị giảm giá:</i>		
VIC124005	-	4.090.330.441
HDB124018	-	1.501.069.161
TD1737427	-	2.760.518.120
TD2434025	-	1.000.199.020
Cổ phiếu niêm yết	72.249.368.477	120.173.626.287
<i>Trong đó, các mã cổ phiếu niêm yết bị giảm giá:</i>		
DXG	-	3.916.842
GAS	-	39.686.758
KBC	-	7.009.202.890
MWG	-	2.169.248.018
VHM	-	1.036.807.293
VNM	-	1.681.199.905
VJC	-	55.733.475
VRE	-	16.229.612
VPB	4.199.564.040	3.153.131.393
MSN	5.252.566.664	13.565.489.118
HCM	-	700.379.976
HPG	11.027.821.179	5.291.021.962
VCI	711.412.830	9.779.576.489
BID	-	2.559.548.857
NLG	-	1.594.790.720
VND	-	36.596.638
MBB	11.996.685.443	1.550.322.000
TPB	2.405.623.249	-
	72.249.368.477	185.996.871.529

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

VI.1 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	1.826.914.837	1.362.199.204
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ	221.153.683.455	125.341.949.743
Tổng doanh thu hoạt động nghiệp vụ	222.980.598.292	126.704.148.947
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	222.980.598.292	126.704.148.947

VI.2 Chi phí hoạt động kinh doanh

Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và hoạt động quản lý quỹ là chi phí hoa hồng phân phối chứng chỉ Quỹ.

VI.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu lãi tiền gửi	552.264.264	1.083.602.173
Lãi thu từ trái phiếu	102.222.651.104	98.428.913.206
	102.774.915.368	99.512.515.379

VI.4 Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lỗ các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn	-	2.721.428.639
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(8.313.175.584)	10.480.026.069
	(8.313.175.584)	13.201.454.708

VI.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên	37.706.011.754	34.415.165.923
Chi phí vật liệu, dụng cụ	230.211.145	230.547.520
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.057.575	18.086.364
Thuế, phí và lệ phí	601.150.833	319.807.298
Chi phí thuê văn phòng, quản lý tòa nhà	2.815.935.593	127.994.560
Chi phí tư vấn, kiểm toán	148.302.000	141.240.000
Chi phí thuê xe	1.037.899.956	1.063.554.749
Chi phí tiếp khách	147.922.822	116.665.001
Chi phí khác	1.662.262.340	1.259.717.164
	44.361.754.018	37.692.778.579

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

VI.6 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận trước thuế	183.063.599.022	120.358.857.396
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	36.613.719.806	23.349.206.612
Điều chỉnh trong năm	1.155.580.271	1.547.783.243
Tổng chi phí thuế TNDN trong năm	37.769.300.077	24.896.989.855
Thuế TNDN phải trả đầu năm	18.050.773.539	3.484.483.375
Thuế TNDN đã trả trong năm	(47.728.292.933)	(10.330.699.691)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	8.091.780.683	18.050.773.539

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

VII.1 Lợi nhuận chưa phân phối

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	334.202.300.438	238.740.432.897
Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	145.294.298.945	95.461.867.541
Tổng cộng	479.496.599.383	334.202.300.438

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

VII.2 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Ngày 1 tháng 1 năm 2025	669.662.910.000	334.202.300.438	1.003.865.210.438
Lợi nhuận sau thuế	-	145.294.298.945	145.294.298.945
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	669.662.910.000	479.496.599.383	1.149.159.509.383

VIII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ	Lãi tiền gửi Chi phí thuê văn phòng	17.436.676 (29.851.943)	32.498.198 (127.994.560)
Công ty Chứng khoán Kỹ Thương	Cùng chủ sở hữu	Chi phí hoa hồng phân phối chứng chỉ Quỹ	(105.579.085.686)	(54.507.394.515)
Ban Tổng Giám đốc		Chi phí lương	(4.731.777.562)	(5.479.566.871)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương

B09-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

VIII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu, phải trả trọng yếu với các bên liên quan vào ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Khoản phải thu/(phải trả)	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Phát sinh tăng VND	Phát sinh giảm VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ	Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.472.547.036	610.359.902.157	(619.418.278.918)	1.414.170.275
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương	Cùng chủ sở hữu	Phải trả phí hoa hồng phân phối chứng chỉ Quỹ	(8.975.548.728)	(103.084.881.935)	104.229.342.090	(7.831.088.573)
		Tiền gửi tự doanh	7.418.789.539	1.189.603.263.174	(1.196.948.886.600)	73.166.113

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IX. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Trong hoạt động kinh doanh của mình, Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không phát sinh các khoản vay và nợ với lãi suất thả nổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán vốn do Công ty nắm giữ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá trị thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, ảnh hưởng rủi ro về giá chứng khoán vốn của Công ty là không đáng kể vì Công ty không nắm giữ danh mục chứng khoán vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IX. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty không có rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng mẹ, vì vậy công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty là thấp.

08
CÔM
TI
IST
IÊ
PH

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương

B09-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IX. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và công nợ của Công ty theo các nhóm kỳ đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

	Không kỳ hạn VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 - 12 tháng VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tài sản						
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.415.921.827	73.166.113	-	-	-	1.489.087.940
- Tiền gửi thanh toán	1.415.921.827	-	-	-	-	1.415.921.827
- Các khoản tương đương tiền	-	73.166.113	-	-	-	73.166.113
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	64.196.212.066	1.024.546.314.634	-	1.088.742.526.700
Tài sản khác	19.233.328	48.292.573.908	464.960.000	44.436.654.398	-	93.213.421.634
Tổng tài sản	1.435.155.155	48.365.740.021	64.661.172.066	1.068.982.969.032	-	1.183.445.036.274
Nợ phải trả						
Phải trả người bán	-	7.895.918.349	-	-	-	7.895.918.349
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	9.088.640.284	-	-	-	9.088.640.284
Phải trả người lao động	-	14.869.432.937	-	-	-	14.869.432.937
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	209.661.438	-	-	-	209.661.438
Phải trả, phải nộp khác	-	55.023.399	-	-	-	55.023.399
Tổng nợ phải trả	-	32.118.676.407	-	-	-	32.118.676.407
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	1.435.155.155	16.247.063.614	64.661.172.066	1.068.982.969.032	-	1.151.326.359.867

(*) Không bao gồm các khoản dự phòng

EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn